

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST
Ngày: 01/7/2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Kim Liên.
- Bà Trần Thị Như Q.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kiên G: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLST-KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 14/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần xăng dầu Đ; (gọi tắt là Công ty Đ). Địa chỉ: Thôn 02, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Việt Long; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Như Q, sinh năm 2001.

Địa chỉ liên hệ: Số 131/1A, đường Tô Hiến Thành, phường 13, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền số 57/2024/UQ-ĐR ngày 26/3/2024).

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T; (gọi tắt là Công ty T). Địa chỉ: Số 61-63, khu phố Ngã Ba, TT. K, huyện K, tỉnh Kiên G. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê T; Chức vụ: Giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Hồ Nam G;** Chức vụ: Phó Giám đốc. Cùng địa chỉ: Số 61-63, khu phố Ngã Ba, TT. K, huyện K, tỉnh Kiên G. (Ông G đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, theo giấy ủy quyền số 01/GUQ.24 ngày 22/5/2024).

(Bà Q có đơn xin vắng, ông G có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện của nguyên đơn bà Trần Thị Như Q trình bày:

Ngày 07/12/2018, công ty Đ và công ty T ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu số: 712/2018/HĐ-MBXD. Theo như phương thức thanh toán được thỏa thuận tại hợp đồng mua bán xăng dầu thì công ty T phải thanh toán đầy đủ tiền trước khi nhận hàng.

Ngày 11/4/2019, công ty T mua và công ty Đ đã giao đủ 16.000 lít dầu DO0.05S-II theo số lượng đơn hàng 02 bên đã ký với tổng giá trị là 269.120.016đ (Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000050).

Tuy nhiên, tính ngày 31/12/2019 công ty T chỉ mới thanh toán được số tiền 139.982.440đ bằng cách chuyển khoản, số tiền còn lại chưa thanh toán là 129.137.576đ.

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/8/2022, công ty T đã thanh toán được số tiền gốc và lãi là 52.560.000đ, số tiền còn lại chưa thanh toán là 114.808.800đ.

Ngày 06/9/2022, công ty T cam kết thanh toán dần nợ gốc hàng tháng số tiền từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ và số tiền lãi chậm trả với lãi suất là 1%/tháng của số tiền 114.808.800đ.

Từ ngày 19/10/2022 đến hết ngày 15/8/2023, công ty T đã thanh toán số tiền gốc và lãi chậm trả là 33.000.000đ.

Tại biên bản làm việc ngày 24/8/2023, 02 bên thống nhất số tiền còn nợ là 95.233.686đ. Công ty T cam kết sẽ thanh toán hết số tiền trên và tiền lãi phát sinh cho công ty Đ trong vòng tháng 9/2023 (từ ngày 01 đến hết ngày 30/9/2023). Tuy nhiên trong khoản thời gian cam kết này công ty T chưa thanh toán được khoản nào.

Tính đến hết ngày 31/10/2023, tổng số tiền công ty T phải thanh toán là 97.138.360đ. Trong đó bao gồm tiền gốc: 95.233.686đ, số tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/9/2023 đến ngày 31/10/2023 là: 1.904.674đ.

Nay công ty Đ yêu cầu bà Lê T và ông Hồ Nam G đại diện Công ty TNHH T các vấn đề như sau:

- Buộc công ty T phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 95.233.686đ.

- Buộc công ty T thanh toán số tiền lãi chậm trả tính đến hết ngày 31/10/2023 là 1.904.674đ.

- Công ty T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền lãi chậm trả tiếp theo ngày 01/11/2023 cho đến khi thanh toán hết số nợ cho công ty Đ.

- Ông Hồ Nam G trình bày:

Vợ chồng ông Hồ Nam G và bà Lê T là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T. Ông G thừa nhận công ty T có nợ số tiền gốc và lãi tính đến

ngày 31/10/2023 là 97.138.360 đồng như công ty Đ khởi kiện là đúng. Trước đây ông G đại diện cho công ty T có cam kết xin trả mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Nhưng nay do hoàn cảnh khó khăn nên xin giảm số tiền xuống và xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền gốc và lãi cho công ty Đ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công ty T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn công ty T có trụ sở tại khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên G. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với bà Trần Thị Như Q vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, bà Lê T vắng mặt nhưng có người đại diện có mặt tại phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy yêu cầu khởi kiện của công ty Đ được chấp nhận bởi lẽ ông Hồ Nam G đại diện cho công ty T thừa nhận còn nợ tổng số tiền tính đến hết ngày 31/10/2023 là 97.138.360đ, trong đó số tiền gốc là 95.233.686đ, tiền lãi là 1.904.674đ như công ty Đ khởi kiện là đúng. Nay do hoàn cảnh khó khăn không thể trả một lần như yêu cầu của công ty Đ mà xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ gốc và lãi. Do công ty Đ có đơn xin vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải, thương lượng về phương thức trả nợ, mặt khác pháp luật cũng không có quy định về việc trả dần khi các đương sự không có thỏa thuận khác nên không chấp nhận đối với yêu cầu trả dần của công ty T.

Về lãi suất chậm trả theo các bên thỏa thuận là 01%/tháng, xét thấy việc thỏa thuận này là phù hợp, cụ thể số tiền lãi được tính trên số tiền nợ gốc là 95.233.686đ tính từ ngày 01/11/2023 đến ngày xét xử 01/7/2024 là 08 tháng x 95.233.686đ x 01%/tháng = 7.618.694đ. Vì vậy tổng số tiền gốc và lãi buộc công ty T phải trả cho công ty Đ là 95.233.686đ + 1.904.674đ + 7.618.694đ = 104.757.054đ.

[6] Về án phí:

- Do công ty T bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí theo quy định.

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại án phí tạm nộp.

Vì caùc leõ treân;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 430, Điều 440 và 468 Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 30, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 4 và Điều 306 Luật Kinh doanh thương mại;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải thanh toán cho Công ty cổ phần xăng dầu Đ tổng số tiền là 104.757.054 đồng, trong đó tiền gốc 95.233.686 đồng, tiền lãi 9.523.368 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải nộp số tiền án phí là 5.237.852 đồng.

- Công ty cổ phần xăng dầu Đ được nhận lại số tiền án phí tạm nộp là 3.000.000 đồng, theo lai thu số 0003905 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên G.

3. Báo cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần xăng dầu Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên G;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Kiên G;
- VKSND huyện K;
- THA dân sự H. K;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Pho